

ÔN TẬP KIỂM TRA GIỮA KÌ I
MÔN Giáo dục kinh tế và pháp luật – Lớp 10
Năm học 2022 -2023

I. NỘI DUNG KIẾN THỨC

Bài 1: Các hoạt động kinh tế cơ bản trong đời sống xã hội

1. Hoạt động sản xuất

- Hoạt động sản xuất là hoạt động con người sử dụng các yếu tố sản xuất để tạo ra các sản phẩm đáp ứng nhu cầu của đời sống xã hội.
- Hoạt động sản xuất có vai trò là hoạt động cơ bản nhất trong các hoạt động của con người, quyết định đến các hoạt động phân phối - trao đổi, tiêu dùng.

2. Hoạt động phân phối-trao đổi

- Phân phối là hoạt động phân chia các yếu tố sản xuất cho các ngành sản xuất, các đơn vị sản xuất khác nhau để tạo ra sản phẩm (phân phối cho sản xuất) và phân chia kết quả sản xuất cho tiêu dùng (phân phối cho tiêu dùng).
- Trao đổi là hoạt động đưa sản phẩm đến tay người tiêu dùng (bao gồm cả tiêu dùng cho sản xuất và tiêu dùng cho sinh hoạt).
- Phân phối – trao đổi đóng vai trò trung gian, là cầu nối sản xuất với tiêu dùng.
- + Phân phối có vai trò thúc đẩy sản xuất phát triển nếu quan hệ phân phối phù hợp đồng thời có thể kìm hãm sản xuất và tiêu dùng khi nó không phù hợp.
- + Trao đổi giúp người sản xuất bán được hàng, duy trì và phát triển được hoạt động sản xuất và người tiêu dùng mua được thứ mình cần, đáp ứng nhu cầu tiêu dùng.

3. Hoạt động tiêu dùng

- Tiêu dùng là hoạt động con người sử dụng các sản phẩm hàng hóa, dịch vụ để thỏa mãn nhu cầu sản xuất và sinh hoạt.
- Tiêu dùng được coi là mục đích của sản xuất, ví như đơn đặt hàng của xã hội đối với sản xuất; Giữ vai trò là căn cứ quan trọng để xác định số lượng, cơ cấu, chất lượng, hình thức sản phẩm.
- Tiêu dùng tác động mạnh mẽ đối với sản xuất theo hai hướng: thúc đẩy mở rộng sản xuất nếu sản phẩm tiêu thụ được và ngược lại, sản xuất sẽ suy giảm khi sản phẩm không tiêu thụ được

Bài 2: Các chủ thể của nền kinh tế

1. Chủ thể sản xuất

- Chủ thể sản xuất là những người sản xuất, cung cấp hàng hoá, dịch vụ ra thị trường, đáp ứng nhu cầu tiêu dùng của xã hội. Chủ thể sản xuất gồm các nhà đầu tư, sản xuất, kinh doanh.
- Chủ thể sản xuất có vai trò: Sử dụng các yếu tố sản xuất để sản xuất, kinh doanh và thu lợi nhuận, thỏa mãn nhu cầu hiện tại của xã hội, tạo ra và phục vụ nhu cầu trong tương lai với mục tiêu lợi nhuận tối đa trong điều kiện nguồn lực có hạn.
- + Chủ thể sản xuất luôn phải quan tâm đến việc lựa chọn sản xuất hàng hoá nào, số lượng bao nhiêu, sản xuất bằng cách nào để đạt hiệu quả.
- + Có trách nhiệm cung cấp những hàng hoá, dịch vụ không làm tổn hại tới sức khỏe và lợi ích của con người trong xã hội.

2. Chủ thể tiêu dùng

- Chủ thể tiêu dùng là người mua hàng hoá, dịch vụ để thoả mãn nhu cầu tiêu dùng cho sinh hoạt, sản xuất,...
- Chủ thể tiêu dùng có vai trò định hướng, tạo động lực cho sản xuất phát triển, có trách nhiệm đối với sự phát triển bền vững của xã hội.

3. Chủ thể trung gian

- Chủ thể trung gian là các cá nhân, tổ chức đảm nhiệm vai trò cầu nối giữa các chủ thể sản xuất, tiêu dùng hàng hoá, dịch vụ trên thị trường:
 - + Các thương nhân chuyên phân phối hàng hoá.
 - + Nhà môi giới chứng khoán, môi giới bất động sản, giới thiệu việc làm,....
- Vai trò của chủ thể trung gian:
 - + Là cầu nối, cung cấp thông tin trong các quan hệ mua – bán, sản xuất – tiêu dùng... giúp nền kinh tế linh hoạt, hiệu quả hơn.

4. Chủ thể nhà nước

Nhà nước có vai trò quản lí nền kinh tế thông qua thực hiện chức năng quản lí nhà nước về kinh tế:

- + Tạo môi trường pháp lí thuận lợi và bảo đảm ổn định chính trị - xã hội cho sự phát triển kinh tế.
- + Tạo môi trường kinh tế vĩ mô ổn định cho sự phát triển kinh tế (xây dựng chiến lược, quy hoạch, kế hoạch phát triển, ban hành các chính sách, trực tiếp đầu tư vào một số lĩnh vực để dẫn dắt nền kinh tế phát triển theo mục tiêu; xây dựng sản xuất, kết cấu hạ tầng xã hội, phát triển và kinh doanh những dịch vụ công cộng như bảo đảm an ninh, quốc phòng, tài chính, tín dụng, năng lượng, giao thông, viễn thông,...; khắc phục những bất ổn trong nền kinh tế như khủng hoảng, thất nghiệp, lạm phát,..)
- + Thực hiện tăng trưởng kinh tế gắn liền với tiến bộ và công bằng xã hội, bảo đảm định hướng XHCN

Bài 3: Thị trường

1. Khái niệm thị trường

- Thị trường là tổng hòa những quan hệ kinh tế trong đó nhu cầu của các chủ thể được đáp ứng thông qua việc trao đổi, mua bán với sự xác định giá cả, số lượng hàng hóa, dịch vụ tương ứng với trình độ phát triển của nền sản xuất.
- + Ở cấp độ cụ thể: thị trường là chợ, cửa hàng, phòng giao dịch,...
- + Ở cấp độ trừu tượng hơn: thị trường được nhận diện qua các mối quan hệ liên quan đến trao đổi, mua bán (cung- cầu, quan hệ hàng – tiền, quan hệ trong – ngoài nước,....)

2. Các loại thị trường

- Theo đối tượng giao dịch, mua bán: thị trường lúa gạo, thị trường dầu mỏ, thị trường tiền tệ, thị trường chứng khoán, thị trường bất động sản....
- Theo vai trò của các đối tượng mua bán, giao dịch: thị trường tư liệu sản xuất, thị trường tư liệu tiêu dùng, thị trường lao động, thị trường khoa học - công nghệ....
- Theo phạm vi của quan hệ mua bán, giao dịch : có thị trường trong nước và thị trường quốc tế,...

3. Các chức năng cơ bản của thị trường

- Chức năng thừa nhận: thừa nhận công dụng xã hội của hàng hóa và lao động đã hao phí để sản xuất ra nó, thông qua việc hàng hóa có bán được hay không và bán với giá như thế nào.

- Chức năng thông tin: cung cấp thông tin cho người sản xuất và người tiêu dùng thông qua những biến động của nhu cầu xã hội về số lượng, chất lượng, chủng loại, cơ cấu các loại hàng hóa, giá cả, tình hình cung cầu về các loại hàng hóa.

- Chức năng điều tiết, kích thích hoặc hạn chế: trên cơ sở những thông tin thu được từ thị trường, người sản xuất và người tiêu dùng sẽ có những ứng xử, điều chỉnh kịp thời cho phù hợp với sự biến đổi của thị trường, nhờ đó sản xuất tiêu dùng được kích thích hoặc hạn chế.

Bài 4: Cơ chế thị trường

1. Cơ chế thị trường

a. Khái niệm cơ chế thị trường

- Cơ chế thị trường là hệ thống các quan hệ kinh tế mang tính tự điều chỉnh tuân theo yêu cầu của các quy luật kinh tế như: quy luật cạnh tranh, cung cầu, giá cả, lợi nhuận,...

- Vai trò: Chi phối hoạt động của các chủ thể kinh tế, đóng vai trò như bàn tay vô hình điều tiết nền kinh tế.

b. Ưu điểm của cơ chế thị trường

- Kích thích tính năng động, sáng tạo của các chủ thể kinh tế, thúc đẩy phát triển lực lượng sản xuất và tăng trưởng kinh tế.

- Phân bổ lại nguồn lực kinh tế, đáp ứng tốt hơn các nhu cầu, lợi ích của các chủ thể kinh tế.

- Thoả mãn ngày càng tốt hơn nhu cầu của con người, thúc đẩy tiến bộ, văn minh xã hội.

c. Nhược điểm của cơ chế thị trường

- Tiềm ẩn rủi ro, khủng hoảng, suy thoái.

- Phát sinh những thủ đoạn cạnh tranh không lành mạnh gây thiệt hại cho người sản xuất và tiêu dùng.

- Không tự khắc phục được hiện tượng phân hóa sâu sắc trong xã hội.

=> Nhà nước cần tăng cường quản lý vĩ mô nền kinh tế để khắc phục, hạn chế nhược điểm của cơ chế thị trường.

2. Giá cả thị trường

a. Khái niệm giá cả thị trường

- Giá cả hàng hóa là số tiền phải trả để bù đắp những chi phí sản xuất và lưu thông hàng hóa đó.

- Giá cả thị trường là giá bán thực tế của hàng hóa trên thị trường hay giá cả hàng hóa được thỏa thuận giữa người mua và người bán.

b. Chức năng của giá cả thị trường

- Cung cấp thông tin: để các chủ thể kinh tế đưa ra những quyết định mở rộng hay thu hẹp sản xuất, tăng hay giảm tiêu dùng.

- Phân bổ nguồn lực: góp phần điều tiết quy mô sản xuất, cân đối cung - cầu.

- Là công cụ để Nhà nước thực hiện quản lý, kích thích, điều tiết nền kinh tế.

Bài 5: Ngân sách nhà nước

1. Khái niệm, đặc điểm của ngân sách nhà nước

a. Khái niệm ngân sách nhà nước

Ngân sách nhà nước là toàn bộ các khoản thu, chi của Nhà nước được dự toán và thực hiện trong một khoảng thời gian nhất định do cơ quan nhà nước có thẩm quyền quyết định để bảo đảm thực hiện các chức năng, nhiệm vụ của Nhà nước (khoản 14 Điều 4 Luật Ngân sách nhà nước năm 2015).

b. Đặc điểm của ngân sách nhà nước

- Mang tính pháp lí cao. Việc tạo lập và sử dụng ngân sách nhà nước được tiến hành trên cơ sở Luật Ngân sách nhà nước.
- Nhà nước là chủ thể duy nhất có quyền sở hữu và quyết định các khoản thu, chi của ngân sách nhà nước.
- Hướng tới mục tiêu giải quyết các quan hệ lợi ích chung trong xã hội.
- Được chia thành nhiều quỹ nhỏ có tác dụng riêng để chỉ dùng cho những mục đích đã có trong kế hoạch.
- Hoạt động thu, chi của ngân sách nhà nước được thực hiện theo nguyên tắc không hoàn trả trực tiếp

2. Vai trò của ngân sách nhà nước

- Cung cấp nguồn tài chính để duy trì hoạt động của bộ máy nhà nước.
- Định hướng phát triển sản xuất vào những vùng lĩnh vực cần thiết để hình thành cơ cấu kinh tế hợp lí.
- Là công cụ điều tiết thị trường, bình ổn giá cả, kiềm chế lạm phát.
- Là công cụ điều tiết thu nhập qua thuế và quỹ phúc lợi xã hội.
- Tạo lập quỹ dự trữ quốc gia để phòng chống thiên tai, dịch bệnh.... và một số nhiệm vụ đột xuất, cấp thiết.
- Là công cụ mở rộng quan hệ đối ngoại, đẩy nhanh quá trình hợp tác và hội nhập quốc tế.

3. Quy định về quyền và nghĩa vụ của công dân trong việc thực hiện pháp luật ngân sách nhà nước

- Công dân có quyền:
 - + Được sử dụng hàng hoá, dịch vụ công cộng và hỗ trợ từ ngân sách nhà nước;
 - + Được cung cấp thông tin, tham gia giám sát cộng đồng về tài chính - ngân sách theo quy định của pháp luật.
- Công dân có nghĩa vụ:
 - + Sử dụng các khoản đầu tư từ ngân sách nhà nước đúng mục đích, đúng chế độ, tiết kiệm, hiệu quả;
 - + Nộp các khoản vào ngân sách nhà nước theo quy định của pháp luật.

II. MA TRẬN ĐỀ KIỂM TRA

TT	Nội dung kiến thức	Tiết	Mức độ nhận thức												Tổng					
			Nhận biết			Thông hiểu			Vận dụng			Vận dụng cao			CH		Điểm		TG	
			Trắc nghiệm			Trắc nghiệm			Tự luận			Tự luận			CH	Điểm	TG	TN	TL	
			C H	Điểm	TG	C H	Điểm	TG	C H	Điểm	TG	C H	Điểm	TG						
1	Bài 1: Các hoạt động kinh tế cơ bản trong đời sống xã hội	3	3	0,75	2,25	2	0,5	2,5	1	2	10	5	1	1,25	2	4,75	10			
2	Bài 2: Các chủ thể của nền kinh	3	3	0,75	2,25	2	0,5	2,5										5	1,25	4,75

	té																					
3	Bài 3: Thị trường	3	3	0,75	2,25	3	0,75	3,75						6		1,5		6				
4	Bài 4: Cơ chế thị trường	3	3	0,75	2,25	3	0,75	3,75			1	1	8	6	1	1,5	1	6	8			
5	Bài 5: Ngân sách nhà nước	3	4	1	3	2	0,5	2,5						6		1,5		5,5				
Tổng		15	16	4	12	12	3	15	1	2	10	1	1	8	28	2	7	3	27	18		
Tỷ lệ %		40			30			20			10			30			10			45		
Tỷ lệ chung		70						30						100								

III. ĐỀ MINH HỌA

A. PHẦN TRẮC NGHIỆM (28 câu = 7 điểm)

Câu 1: Việc đưa sản phẩm đến tay người dùng được gọi là

- A. trao đổi. B. mua bán. C. vận chuyển. D. cung ứng.

Câu 2: Trong các hoạt động của con người, hoạt động sản xuất đóng vai trò là hoạt động

- A. ít quan trọng. B. bình thường nhất. C. thiết yếu nhất. D. cơ bản nhất.

Câu 3: Nền kinh tế là một chỉnh thể thống nhất các hoạt động kinh tế cơ bản nào sau đây?

- A. Sản xuất, phân phối - trao đổi, tiêu dùng. B. Sản xuất, mua bán - trao đổi, tiêu dùng.
C. Sản xuất, phân loại - trao đổi, tiêu dùng. D. Sản xuất, chi phối - trao đổi, tiêu dùng.

Câu 4: Trong nền kinh tế, chủ thể nào đóng vai trò là cầu nối giữa chủ thể sản xuất và chủ thể tiêu dùng?

- A. chủ thể trung gian. B. Nhà đầu tư chứng khoán.
C. chủ thể doanh nghiệp. D. chủ thể nhà nước.

Câu 5: Chủ thể nào đóng vai trò quan trọng trong việc tạo ra hàng hoá cho xã hội, phục vụ nhu cầu tiêu dùng?

- A. Chủ thể trung gian B. Doanh nghiệp Nhà nước
C. Các điểm bán hàng D. Chủ thể sản xuất

Câu 6: Trong nền kinh tế nước ta, chủ thể nào đóng vai trò quản lý toàn bộ nền kinh tế quốc dân?

- A. chủ thể trung gian. B. chủ thể nhà nước C. chủ thể tiêu dùng. D. chủ thể sản xuất.

Câu 7: Một trong những quan hệ cơ bản của thị trường là quan hệ

- A. Cầu – cạnh tranh. B. Cầu – nhà nước C. Cầu – sản xuất. D. cung – cầu.

Câu 8: Các nhân tố cơ bản của thị trường là

- A. hàng hoá, giá cả, địa điểm mua bán. B. hàng hoá, tiền tệ, giá cả.
C. hàng hoá, tiền tệ, người mua, người bán. D. tiền tệ, người mua, người bán.

Câu 9: Một trong những quan hệ cơ bản của thị trường là quan hệ

- A. Thường – phạt. B. Cho – nhận. C. Trên – dưới D. Mua – bán.

Câu 10: Xét về mặt bản chất của nền kinh tế, việc điều tiết của cơ chế thị trường được ví như

- A. thượng đế B. mệnh lệnh. C. ý niệm tuyệt đối. D. bàn tay vô hình.

Câu 11: Số tiền phải trả cho một hàng hoá để bù đắp những chi phí sản xuất và lưu thông hàng hoá đó được gọi là

A. phân phối sản phẩm.

B. tiêu dùng sản phẩm.

C. giá cả hàng hoá.

D. giá trị sử dụng

Câu 12: Trong nền kinh tế hàng hóa, khi các quan hệ kinh tế tự điều chỉnh theo yêu cầu của các quy luật kinh tế cơ bản được gọi là

A. cơ chế quan liêu. B. cơ chế phân phối C. cơ chế thị trường D. cơ chế bao cấp.

Câu 13: Toàn bộ các khoản thu, chi của Nhà nước được dự toán và thực hiện trong một khoảng thời gian nhất định do cơ quan nhà nước có thẩm quyền quyết định để bảo đảm thực hiện các chức năng, nhiệm vụ của Nhà nước được gọi là

A. tài chính nhà nước.

B. kho bạc nhà nước.

C. tiền tệ nhà nước.

D. ngân sách nhà nước.

Câu 14: Nhà nước có quyền gì đối với các khoản thu, chi của ngân sách nhà nước?

A. quyền sử dụng

B. quyền quyết định

C. quyền sở hữu

D. quyền sở hữu và quyết định

Câu 15: Một trong những đặc điểm của ngân sách nhà nước là

A. phân chia cho mọi người.

B. ai cũng có quyền lấy.

C. có rất nhiều tiền bạc.

D. có tính pháp lý cao.

Câu 16: Theo quy định của Luật ngân sách, chủ thể có quyền quyết định các khoản thu, chi của ngân sách nhà nước là ai?

A. Những người đứng đầu cơ quan Bộ nhà nước.

B. Các cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

C. Các cơ quan thuộc doanh nghiệp nhà nước.

D. Các cơ quan lãnh đạo ở địa phương.

Câu 17: Nhằm tiết kiệm chi phí, hạ giá thành sản phẩm, tăng lợi thế cạnh tranh, có cơ hội bước chân vào những thị trường “khó tính” khi tạo ra được những sản phẩm “xanh” đòi hỏi chủ thể sản xuất phải chú ý tạo ra các sản phẩm

A. thân thiện với môi trường.

B. sử dụng nhiều tài nguyên.

C. tạo ra nhiều khí thải.

D. tạo ra hiệu ứng nhà kính

Câu 18: Sản phẩm nào sau đây được tạo ra từ hoạt động lao động sản xuất?

A. Rau trồng ngoài vườn.

B. Mua cá tôm ở chợ về ăn.

C. Mua tivi từ cửa hàng.

D. Gạo được mua ngoài chợ.

Câu 19: Chủ thể trung gian **không** có vai trò nào dưới đây ?

A. Cầu nối giữa sản xuất và tiêu dùng.

B. Phân phối hàng hóa đến tay người tiêu dùng.

C. Thúc đẩy sản xuất và tiêu dùng hiệu quả

D. Tạo ra sản phẩm hàng hóa cho người tiêu dùng.

Câu 20: Trong nền kinh tế hàng hóa, chủ thể tiêu dùng thường gắn với việc làm nào dưới đây?

A. Mua gạo về ăn.

B. Giới thiệu việc làm.

C. Sản xuất hàng hóa.

D. Phân phối hàng hóa.

Câu 21: Phát biểu nào dưới đây **không** đúng về thị trường?

A. Thị trường là nơi người này tiếp xúc với người kia để trao đổi một thứ gì đó khan hiếm, cùng xác định giá và số lượng trao đổi.

B. Thị trường là nơi người bán và người mua tiếp xúc với nhau để trao đổi, mua bán.

C. Thị trường là nơi những người mua tiếp xúc với nhau để xác định giá cả và số lượng hàng hoá.

D. Thị trường là nơi người bán muốn tối đa hoá lợi nhuận, người mua muốn tối đa hoá sự thoả mãn thu được từ sản phẩm họ mua.

Câu 22: Căn cứ vào tính chất và cơ chế vận hành, thị trường được chia thành:

- A. Thị trường cạnh tranh hoàn hảo, thị trường cạnh tranh không hoàn hảo.
- B. Thị trường tư liệu sản xuất, thị trường tư liệu tiêu dùng.
- C. Thị trường trong nước, thị trường ngoài nước.
- D. Thị trường ô tô, thị trường bảo hiểm, thị trường chứng khoán,...

Câu 23: Căn cứ vào đặc điểm nào để phân chia các loại thị trường như thị trường vàng, thị trường bảo hiểm, thị trường bất động sản?

- A. Phạm vi hoạt động
- B. Đối tượng hàng hoá
- C. Tính chất và cơ chế vận hành
- D. Vai trò của các đối tượng mua bán

Câu 24: Một trong những tác động tích cực của cơ chế thị trường là

- A. tăng cường đầu cơ tích trữ.
- B. hủy hoại môi trường sống.
- C. xuất hiện nhiều hàng giả.
- D. thúc đẩy tăng trưởng kinh tế.

Câu 25: Câu tục ngữ "Cá lớn nuốt cá bé" chỉ quy luật kinh tế nào?

- A. Quy luật cạnh tranh
- B. Quy luật lưu thông tiền tệ
- C. Quy luật cung - cầu
- D. Quy luật giá trị

Câu 26: Trong sản xuất và kinh doanh hàng hóa, mặt tích cực của cơ chế thị trường thể hiện ở việc, các chủ thể kinh tế để giành nhiều lợi nhuận về mình đã không ngừng

- A. khai thác cạn kiệt tài nguyên.
- B. đổi mới quản lý sản xuất.
- C. kích thích đầu cơ găm hàng.
- D. hủy hoại môi trường.

Câu 27: Theo quy định của Luật ngân sách, Ngân sách nhà nước **không** gồm các khoản thu nào dưới đây?

- A. Thu viện trợ.
- B. Thu từ dầu thô.
- C. Thu từ đầu tư phát triển.
- D. Thu nội địa.

Câu 28: Trường hợp nào dưới đây được gọi là bội chi ngân sách nhà nước?

- A. Tổng thu nhỏ hơn tổng chi
- B. Tổng thu lớn hơn hoặc bằng tổng chi.
- C. Tổng thu nhỏ hơn hoặc bằng tổng chi.
- D. Tổng thu lớn hơn tổng chi

IB. PHẦN TỰ LUẬN (3 điểm)

Câu 1: (2 điểm)

Doanh nghiệp Z sản xuất kinh doanh thực phẩm. Nắm bắt được nhu cầu tiêu dùng sản phẩm sạch, doanh nghiệp đã quyết định chuyển đổi mô hình kinh doanh, tập trung sản xuất các sản phẩm bảo vệ sức khỏe người tiêu dùng và thân thiện với môi trường. Tổ chức tốt các hoạt động chăm sóc khách hàng. Hoạt động này đã góp phần mang lại doanh thu cho doanh nghiệp cao hơn 20% so với trước. Đề tri ân cũng như tạo động lực để người lao động gắn bó với doanh nghiệp. Chủ doanh nghiệp đã quyết định ngoài việc tăng lương cho người lao động sẽ thành lập một số quỹ để hỗ trợ và động viên cho con em của họ có thành tích cao trong học tập.

a) *Hãy cho biết, công ty X đã phân bổ nguồn lực sản xuất và phân chia kết quả lao động như thế nào*

b) *Việc phân phối kết quả lao động có ảnh hưởng như thế nào đến sản xuất kinh doanh của các doanh nghiệp.*

Câu 2: (1 điểm)

Theo Tổng cục Thống kê, do nhu cầu tiêu dùng của người dân trong dịp Lễ ông Công, ông Táo và chuẩn bị Tết tăng cao, giá hàng hoá và dịch vụ thiết yếu tăng vào dịp Tết. Giá tiêu dùng tháng 01/2022 của một số nhóm hàng thực phẩm tăng so với tháng trước như sau: Giá thịt lợn tháng 01/2022 tăng 1,79%; giá trứng các loại tăng 0,91%; giá thịt gia cầm tươi sống tăng 0,57%...

Thông tin về giá cả nêu trên cho em biết điều gì về tình hình thị trường thực phẩm dịp tết Nguyên đán? Sự biến động của giá cả sẽ là điều cần quan tâm của những chủ thể kinh tế nào?

----- **Hết**-----